Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8517.11.00

Mã HS	8517.11.00
Mô tả hàng hóa	Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28 / - Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác: / - - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:59:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85171100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15331
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15331
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15331
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MY)	0% (trừ LA, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14640
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14581
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14581
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14581
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14581
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14581
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14581
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14635
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14635
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14635
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14635

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14635
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14635
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14636
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14636
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14636
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14636
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14636
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14636
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14639
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14587
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14595
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14595
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14595
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14595
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14595
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14595
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14626
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14626
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14626
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14626
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14626
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14626
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14681
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14681
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14681
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14681
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14681
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14658
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14658
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14658
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14658
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14658
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14658
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14658
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14658
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14658
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14658
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14658
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14658
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14673
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14673
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14673
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14673
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14673
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14673
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14672
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14672
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14672
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14672
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14672
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14672

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14665
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14665
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14665
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14665
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14665
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14665
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14665
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14660
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14660
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14660
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14660
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14660
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14660
RCEP B	2022	2022	0	B!D14660
RCEP B	2023	2023	0	B!E14660
RCEP B	2024	2024	0	B!F14660
RCEP B	2025	2025	0	B!G14660
RCEP B	2026	2026	0	B!H14660
RCEP B	2027	2027	0	B!I14660
RCEP C	2022	2022	0	C!D14660
RCEP C	2023	2023	0	C!E14660
RCEP C	2024	2024	0	C!F14660
RCEP C	2025	2025	0	C!G14660
RCEP C	2026	2026	0	C!H14660
RCEP C	2027	2027	0	C!I14660
RCEP D	2022	2022	0	D!D14659

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14659
RCEP D	2024	2024	0	D!F14659
RCEP D	2025	2025	0	D!G14659
RCEP D	2026	2026	0	D!H14659
RCEP D	2027	2027	0	D!I14659
RCEP E	2022	2022	0	E!D14663
RCEP E	2023	2023	0	E!E14663
RCEP E	2024	2024	0	E!F14663
RCEP E	2025	2025	0	E!G14663
RCEP E	2026	2026	0	E!H14663
RCEP E	2027	2027	0	E!I14663
RCEP F	2022	2022	0	F!D14660
RCEP F	2023	2023	0	F!E14660
RCEP F	2024	2024	0	F!F14660
RCEP F	2025	2025	0	F!G14660
RCEP F	2026	2026	0	F!H14660
RCEP F	2027	2027	0	F!I14660
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13645
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13645
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13645
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13645

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)		211/2025/NĐ-CP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8517.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8517.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15331), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.